

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ CHÍNH XÁC KHANG THỊNH**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ CHÍNH XÁC KHANG THỊNH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: KHANG THINH EXACT MECHANICS JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110639261

**3. Ngày thành lập:** 05/03/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thôn 2, Xã Lại Yên, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0987847638

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                           | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                               | 4322        |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                      | 4329        |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                      | 4330        |
| 4.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                 | 4390        |
| 5.  | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                 | 4511        |
| 6.  | Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)                                                                                         | 4512        |
| 7.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                     | 4659        |
| 8.  | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan                                                                        | 4661        |
| 9.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                   | 4669        |
| 10. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh | 8299        |
| 11. | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét                                                                                                     | 0810        |
| 12. | Sản xuất sắt, thép, gang                                                                                                            | 2410        |
| 13. | Đúc sắt, thép                                                                                                                       | 2431        |
| 14. | Đúc kim loại màu                                                                                                                    | 2432        |
| 15. | Sản xuất các cấu kiện kim loại                                                                                                      | 2511        |
| 16. | Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại                                                                          | 2512        |
| 17. | Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)                                                                                            | 2513        |
| 18. | Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại                                                                                    | 2591        |
| 19. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                        | 2592(Chính) |
| 20. | Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng                                                                         | 2593        |

|     |                                                                                           |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 21. | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu                               | 2599 |
| 22. | Sản xuất đồ điện dân dụng                                                                 | 2750 |
| 23. | Sản xuất thiết bị điện khác                                                               | 2790 |
| 24. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)       | 4931 |
| 25. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển            | 7730 |
| 26. | Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn                                                    | 3311 |
| 27. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                | 3312 |
| 28. | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                    | 3313 |
| 29. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                    | 3314 |
| 30. | Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác) | 3315 |
| 31. | Sửa chữa thiết bị khác                                                                    | 3319 |
| 32. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                   | 3320 |
| 33. | Xây dựng nhà để ở                                                                         | 4101 |
| 34. | Xây dựng nhà không để ở                                                                   | 4102 |
| 35. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                | 4299 |
| 36. | Phá dỡ                                                                                    | 4311 |
| 37. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                         | 4312 |
| 38. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                     | 4321 |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 200.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông                 | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|-----------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | NGUYỄN<br>VĂN NGỌC<br>TUYỀN | Thôn 1, Xã Lại<br>Yên, Huyện Hoài<br>Đức, Thành phố<br>Hà Nội, Việt Nam            | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 60.000        | 600.000.000              | 30,000       | 0010920118<br>17                                                                                                       |            |
|     |                             |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                             |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                             |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                             |                                                                                    | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                             |                                                                                    | Tổng số                            | 60.000        | 600.000.000              | 30,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                             |                                                                                    |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | NGUYỄN<br>HUY HẢI           | Thôn 2, Xã Lại<br>Yên, Huyện Hoài<br>Đức, Thành phố<br>Hà Nội, Việt Nam            | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 20.000        | 200.000.000              | 10,000       | 0010950260<br>13                                                                                                       |            |
|     |                             |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                             |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                             |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                             |                                                                                    | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                             |                                                                                    | Tổng số                            | 20.000        | 200.000.000              | 10,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                             |                                                                                    |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |                  |                                                                         |                                    |         |               |        |                  |
|---|------------------|-------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------|---------------|--------|------------------|
| 3 | NGUYỄN<br>HUY BỘ | Thôn 2, Xã Lại<br>Yên, Huyện Hoài<br>Đức, Thành phố<br>Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 120.000 | 1.200.000.000 | 60,000 | 0010920374<br>71 |
|   |                  |                                                                         | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                  |                                                                         | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                  |                                                                         | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                  |                                                                         | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                  |                                                                         | Tổng số                            | 120.000 | 1.200.000.000 | 60,000 |                  |
|   |                  |                                                                         |                                    |         |               |        |                  |

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ; giá trị<br>tương đương<br>bằng tiền nước<br>ngoài , nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) | Số hộ chiếu<br>đối với cá<br>nhân; Mã<br>số doanh<br>nghiệp đối<br>với doanh<br>nghiệp; Số<br>Quyết định<br>thành lập<br>đối với tổ<br>chức | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|--------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|     |             |                                                                                  |                 |               |                                                                                      |              |                                                                                                                                             |            |

10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN HUY BỘ
 

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 18/08/1992
 

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001092037471

Ngày cấp: 25/07/2021
 

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn 2, Xã Lại Yên, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
 

Địa chỉ liên lạc: Thôn 2, Xã Lại Yên, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội